

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 12 - 2020
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân
Bà Phạm Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh ngày 12/02/1987.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông TKACHEV VLA, sinh ngày 21/3/1968.

Địa chỉ: St S, vùng K, Russia.

(Các đương sự có đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai bà Trần Thị L trình bày:**

Năm 2007, bà và ông TKACHEV VLA quen biết nhau qua mai mối, quá trình tìm hiểu chúng tôi nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, ông bà có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/12/2013. Sau khi kết hôn, chồng bà về nước Liên Bang Nga làm việc, ông bà thường xuyên

hỏi thăm nhau qua điện thoại. Tuy nhiên, thời gian sau này, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm trong tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông TKACHEV VLA.

- Về con chung: Có hai người con tên TKACHEV T, sinh ngày 27/5/2008 và TKACHEV T1, sinh ngày 30/12/2014, bà yêu cầu được nuôi hai người con và không yêu cầu ông TKACHEV VLA cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản đồng ý ly hôn và đơn xin giải quyết vắng mặt ông TKACHEV VLA trình bày:*

Ông đồng ý lời trình bày của bà Trần Thị L về quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn, về con chung. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà Trần Thị L.

- Về con chung: Có người đưa con tên TKACHEV T, sinh ngày 27/5/2008 và TKACHEV T1, sinh ngày 30/12/2014. Ông đồng ý giao hai người con chung cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/12/2012. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Loan và ông TKACHEV VLA là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông TKACHEV VLA sang Liên Bang Nga để làm việc, ông bà thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, tuy nhiên thời gian sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà Loan khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông TKACHEV VLA đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà Loan.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L được ly hôn với và ông TKACHEV VLA.

Về con chung: Bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA có hai người con tên TKACHEV TUYẾT VY, sinh ngày 27/5/2008 và TKACHEV TUYẾT LAN, sinh ngày 30/12/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của ông TKACHEV VLA giao hai cháu cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị L không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông TKACHEV VLA.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA giao hai người con chung tên TKACHEV T, sinh ngày 27/5/2008 và TKACHEV T1, sinh ngày 30/12/2014 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị L không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông TKACHEV VLA có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị L và ông TKACHEV VLA không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp (do ông Đoàn Thanh Hùng nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0009426 ngày 30/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng ông TKACHEV VLA có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn